



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS

*(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận
chất lượng quốc gia/of BoA Director)*

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Nghiên cứu Thạch học và Vật lý đá**
Laboratory: Petrography & Petrophysic Department

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Viện Nghiên cứu Khoa học và Thiết kế - Liên Doanh Việt Nga
Vietsovpetro**
*Organization: Research and Engineering Institute - Joint Venture Viet Nga
Vietsovpetro*

Số hiệu/ Code: **VILAS 1576**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Cơ**
Field: Mechanical

Người quản lý/ *Laboratory
manager:* **Nguyễn Thế Dũng**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **từ ngày / 5 /2026 đến ngày 09/ 6 /2030**

Địa chỉ/*Address:* **Số 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
No 105 Le Loi street, Vung Tau ward-Ho Chi Minh City-Viet Nam.**

Địa điểm/ *Location:* **Số 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
No 105 Le Loi street, Vung Tau ward-Ho Chi Minh City-Viet Nam**

Điện thoại/ *Tel:* **+84.254.3839 871**

Email: **vspadmin@vietsov.com.vn**

Website: **www.vietsov.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1576****Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ***Field of testing: Mechanical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Đá chứa <i>Reservoir rock</i>	Xác định độ thấm tuyệt đối dựa trên dòng khí tuyến tính <i>Determination of absolute gas permeability measurements by steady state method</i>	(0,1 ~ 10 000) mD	I-PP-03 (2025) (Tham khảo/ Ref. API RP 40-1998)
2.		Xác định độ rỗng hở bằng phương pháp bão hòa nước <i>Determination of open porosity by water saturation method</i>	(0 ~ 60) %	ГОСТ 26450.1-85
3.		Xác định độ rỗng tuyệt đối bằng phương pháp gián tiếp sử dụng khí Heli <i>Determination of absolute porosity by helium method</i>	(0 ~ 60) %	I-PP-03 (2025) (Tham khảo/ Ref. API RP 40-1998)
4.	Đá trầm tích <i>Sedimentary rock</i>	Xác định kích thước hạt bằng phương pháp nhiễu xạ laser <i>Determination of grain size analysis by laser diffraction method</i>	(0,01 ~ 2000) µm	ISO 13320:2020

Chú thích/ Note:I-PP-03: Phương pháp do PTN xây dựng/ *Laboratory developed method*API: *American Petroleum Institute*ГОСТ: *Russian Standard*

Trường hợp Viện Nghiên cứu Khoa học và Thiết kế cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Viện Nghiên cứu Khoa học và Thiết kế phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Research and Engineering Institute that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

